

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/DS-ST
Ngày: 05/10/ 2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự, vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Dung;
2. Ông Nguyễn Thành Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2018/TLST- DS ngày 04/4/2018 về tranh chấp “hợp đồng dân sự, vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2018/QĐST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng C, trụ sở: số 104, đường Pn Đình Phùng, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang có ông Nguyễn Văn P – Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện theo pháp luật và ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ Trưởng phòng Hành chánh là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 02/GUQ/2018-QTD ngày 21/3/2018).

Đồng bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1979 và ông Nguyễn Chí N, sinh năm 1969, cùng cư trú: tổ S, khóm V, phường N, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Ông T, bà P có mặt tại phiên tòa; ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 16 tháng 3 năm 2018 của nguyên đơn Quỹ tín dụng C, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ngày 04/9/2013, giữa Quỹ tín dụng C và bà P, ông N ký hợp đồng tín dụng số 0160D/13/HĐTD, theo nội dung hợp đồng ông N, bà P vay của Quỹ tín dụng số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay mua bán nhỏ (không đăng ký kinh doanh), lãi suất vay 1,3%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (1,95%/tháng).

Để đảm bảo khoản vay, bà P, ông N đã thế chấp phần đất diện tích 63,7 m² tọa khóm Vĩnh Đông, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc đã được Ủy ban nhân dân thị xã Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0237/E ngày 08/6/2005 do bà P, ông N đứng tên. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà P, ông N không thực hiện theo thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi và vốn vay. Do đó, Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu bà P, ông N phải có trách nhiệm trả nợ và yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, cụ thể tiền vốn vay, tiền lãi như sau:

+ Tiền lãi: 25.006.000 đồng (trong đó: lãi quá hạn tính từ ngày 10/11/2014 đến ngày 22/02/2016 đối với vốn vay là 30.000.000 đồng với số tiền lãi là 9.009.00 đồng; lãi quá hạn đối với khoản vốn vay còn lại 28.000.000 đồng tính từ ngày 22/2/2016 đến ngày 25/3/2016 là 601.000 đồng; lãi quá hạn đối với khoản vốn còn lại là 26.000.000 đồng tính từ ngày 25/3/2016 đến ngày 05/10/2018 là 15.396.000 đồng);

+ Tiền vốn: 26.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất theo hợp đồng phát sinh sau ngày 05/10/2018 cho đến khi thanh toán xong.

Đồng thời, nguyên đơn cung cấp tài liệu chứng cứ là hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, các bảng chiết tính tiền lãi.

- Theo các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị P khai, thống nhất với lời khai của nguyên đơn về khoản vay 30.000.000 đồng, mục đích vay, lãi suất, thời hạn vay đúng như nguyên đơn trình bày. Để đảm bảo cho khoản vay, đồng bị đơn đã thế chấp quyền sử dụng đất ở theo hợp đồng thế chấp số 0160D/13/HĐTCTS ngày 04/9/2013). Bị đơn khai nhận từ ngày nhận tiền vốn đến khi nguyên đơn khởi kiện, đồng bị đơn đã thanh toán vốn 4.000.000 đồng và ngưng đóng lãi từ ngày 10/11/2014 cho đến nay. Thừa nhận còn nợ nguyên đơn vốn vay 26.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/11/2014 cho đến nay. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tòa án không tiến hành hoà giải được do bị đơn ông Nguyễn Chí N vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên ý kiến được trình bày trong quá trình tiến hành tố tụng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Chí N được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về giải quyết vụ án, ngày 04/9/2013, đồng bị đơn vay của nguyên đơn 30.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 0160/13/HDTD, thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp số 0160D/13/HĐTCTS ngày 04/9/2013 và đã vi phạm hợp đồng, không trả vốn, lãi. Đồng bị đơn trả cho nguyên đơn vốn 4.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu đồng bị đơn trả vốn còn lại 26.000.000 đồng, tiền lãi 25.006.000 đồng (tính từ ngày 10/11/2014 đến ngày 05/10/2018), lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong. Đồng bị đơn khai nhận như nguyên đơn, xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Căn cứ Điều 463, 468 Bộ luật dân sự 2015, Điều 95 luật tổ chức tín dụng. Nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] *Thẩm quyền:* Quỹ tín dụng C có khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với đồng bị đơn là ông Nguyễn Chí N, bà Nguyễn Thị P; đồng bị đơn có địa chỉ khóm V, phường N, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N nhưng ông N vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

Về nội dung:

[3] Về hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 0160/13/HDTD ngày 04/9/2013 giữa Quỹ tín dụng C với ông Nguyễn Chí N, bà Nguyễn Thị P được

các bên ký kết trên cơ sở tự N, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[4] Về vốn vay:

Biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị P thừa nhận có vay của Quỹ tín nhân dân Châu Đốc vốn 30.000.000 đồng và có trả vốn 4.000.000 đồng, còn nợ Quỹ tín dụng C vốn 26.000.000 đồng, phù hợp theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trình bày cùng tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Chí N và bà Nguyễn Thị P trả vốn gốc 26.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Xét chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Bị đơn bà Nguyễn Thị P thừa nhận chưa thanh toán lãi cho nguyên đơn từ ngày 10/11/2014. Nguyên đơn yêu cầu đồng bị đơn trả tiền lãi 25.006.000 đồng theo bảng kê chiết tính lãi suất do nguyên đơn cung cấp là phù hợp với khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Xét chấp nhận.

[4] Buộc đồng bị đơn phải có trách nhiệm trả vốn gốc và tiền lãi cho nguyên đơn, cụ thể:

- Tiền lãi: 25.006.000 đồng (trong đó: lãi quá hạn tính từ ngày 10/11/2014 đến ngày 22/02/2016 đối với vốn vay là 30.000.000 đồng với số tiền lãi là 9.009.000 đồng; lãi quá hạn đối với khoản vốn vay còn lại 28.000.000 đồng tính từ ngày 22/2/2016 đến ngày 25/3/2016 là 601.000 đồng; lãi quá hạn đối với khoản vốn còn lại là 26.000.000 đồng tính từ ngày 25/3/2016 đến ngày 05/10/2018 là 15.396.000 đồng);

- Vốn gốc: 26.000.000 đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đồng bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng cho vay”.

Đồng bị đơn xin trả dần theo khả năng là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, xét không chấp nhận. Tuy nhiên, phương thức thanh toán sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[5] Về tài sản thế chấp, để đảm bảo cho khoản vay, đồng bị đơn đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 0160D/13/HĐTCTS ngày 04/9/2013 với nguyên đơn (tài sản là quyền sử dụng đất ở có diện tích 63,7m² vị trí thửa đất số 01, tờ bản đồ số 77 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0237fE ngày 08/6/2005;

tọa lạc tại khóm Vĩnh Đông 1, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc do ông Nguyễn Chí N, Nguyễn Thị P đứng tên. Bị đơn bà N có lời khai, đồng ý duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Về án phí, đồng bị đơn có trách nhiệm trả tổng cộng 51.006.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.550.300 đồng (51.006.000đồng x 5%) như theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng C;

- Buộc ông Nguyễn Chí N và bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm liên đới trả cho Quỹ tín dụng C:

+Tiền lãi: 25.006.000 (*hai mươi lăm triệu không trăm lẻ sáu nghìn*) đồng (trong đó: lãi quá hạn tính từ ngày 10/11/2014 đến ngày 22/02/2016 đối với vốn vay là 30.000.000 đồng với số tiền lãi là 9.009.00 đồng; lãi quá hạn đối với khoản vốn vay còn lại 28.000.000 đồng tính từ ngày 22/2/2016 đến ngày 25/3/2016 là 601.000 đồng; lãi quá hạn đối với khoản vốn còn lại là 26.000.000 đồng tính từ ngày 25/3/2016 đến ngày 05/10/2018 là 15.396.000 đồng);

+ Vốn gốc: 26.000.000 đồng (*hai mươi sáu triệu*) đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông N, bà P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng cho vay”.

- Duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số 0160D/13/HĐTCTS ngày 04/9/2013 giữa Quỹ tín dụng Châu Đốc với ông Nguyễn Chí N, bà Nguyễn Thị P.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Chí N và bà Nguyễn Thị P phải chịu 2.550.300 (*hai triệu năm trăm năm mươi nghìn ba trăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quỹ tín dụng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng C 1.191.000 (*một triệu một trăm chín mươi một nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2015/0015182 ngày 04 tháng 04 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

[3] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Quỹ tín dụng C, bà Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Chí N là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Tiền